

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2011/TT-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2011

THÔNG TƯ**Quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và
dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết 59/NQ-CP về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử của Bộ Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức, cá nhân khác lựa chọn sử dụng dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương trong các hoạt động giao dịch điện tử do Bộ Công Thương tổ chức.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Chứng thư số*” là một dạng chứng thư điện tử do Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương cấp.

2. “*Chữ ký số*” là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng theo đó người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khóa công khai của người ký có thể xác định được chính xác:

a) Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trong cùng một cặp khóa;

b) Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên.

3. “*Dịch vụ chứng thực chữ ký số*” là một loại hình dịch vụ do Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương quản lý. Dịch vụ chứng thực chữ ký số bao gồm:

a) Tạo cặp khóa bao gồm khóa công khai và khóa bí mật cho thuê bao;

b) Cấp, gia hạn, tạm dừng, phục hồi và thu hồi chứng thư số của thuê bao;

c) Duy trì trực tuyến cơ sở dữ liệu về chứng thư số;

d) Những dịch vụ khác có liên quan theo quy định của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số (gọi tắt là Nghị định chữ ký số).

4. “*Ký số*” là việc đưa khóa bí mật vào một chương trình phần mềm để tự động tạo và gắn chữ ký số vào thông điệp dữ liệu.

5. “*Người ký*” là thuê bao dùng đúng khóa bí mật của mình để ký số vào một thông điệp dữ liệu.

6. “*Người nhận*” là tổ chức, cá nhân nhận được thông điệp dữ liệu được ký số bởi người ký, sử dụng chứng thư số của người ký đó để kiểm tra chữ ký số trong thông điệp dữ liệu nhận được và tiến hành các hoạt động, giao dịch có liên quan.

7. “*Thuê bao*” là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Thông tư này; được Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương cấp chứng thư số; chấp nhận chứng thư số và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số được cấp.

8. “*Tổ chức quản lý thuê bao*” là các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, hoặc các tổ chức khác đề nghị cấp chứng thư số cho tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức mình và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quản lý tổ chức, cá nhân đó.

9. “*Giao dịch điện tử của Bộ Công Thương*” là các hoạt động, nghiệp vụ được tiến hành bằng phương thức điện tử của Bộ Công Thương.

Điều 4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương

Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương, do Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin quản lý, điều hành và là tổ chức duy nhất của Bộ Công Thương cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Điều 5. Chứng thư số

1. Nội dung chứng thư số:

Chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương quản lý phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- b) Tên thuê bao;
- c) Tên tổ chức quản lý thuê bao;
- d) Số hiệu của chứng thư số;
- đ) Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số;
- e) Khóa công khai của thuê bao;
- g) Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- h) Các hạn chế về mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư số;
- i) Các hạn chế về trách nhiệm pháp lý của Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- k) Các thông tin khác cho mục đích quản lý, sử dụng, an toàn, bảo mật do Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số quy định.

2. Thời gian có hiệu lực của chứng thư số:

Không quá 05 (năm) năm đối với chứng thư số của thuê bao.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ của Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số

1. Quản lý việc cấp, gia hạn, tạm dừng, thu hồi, khôi phục chứng thư số và thay đổi cặp khóa cho thuê bao khi có yêu cầu. Hình thành và phát triển dịch vụ bảo đảm an toàn và an ninh thông tin; cung cấp dịch vụ chữ ký số.

2. Quản lý, vận hành hệ thống trang thiết bị kỹ thuật cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương, nghiên cứu, nâng cấp, đảm bảo duy trì hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương an toàn, liên tục. Thử nghiệm và đề xuất ứng dụng các công nghệ mới để đảm bảo an ninh, an toàn thông tin phục vụ giao dịch điện tử.

3. Lưu trữ đầy đủ, chính xác và cập nhật thông tin của thuê bao phục vụ việc quản lý chứng thư số trong suốt thời gian chứng thư số có hiệu lực. Trong trường hợp chứng thư bị thu hồi thì phải lưu trữ các thông tin chứng thư số của thuê bao trong thời hạn ít nhất 05 năm kể từ khi chứng thư số bị thu hồi.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có chức năng chứng thực các chữ ký số lưu hành trên các văn bản, tài liệu điện tử và trong các giao dịch điện tử.

5. Hướng dẫn các tổ chức quản lý thuê bao, thuê bao thực hiện đúng các quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức quản lý thuê bao

1. Được cung cấp các thông tin hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phát, quản lý và sử dụng chứng thư số.

2. Được yêu cầu Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa cho các thuê bao do mình quản lý.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên giấy đề nghị cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số và thay đổi cặp khóa của thuê bao do mình quản lý.

4. Hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao thuộc tổ chức mình quản lý, sử dụng chứng thư số và khóa bí mật theo đúng các quy định tại Thông tư này.

5. Thông báo kịp thời bằng văn bản cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số của thuê bao trong các trường hợp quy định tại Điều 15 Thông tư này.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thuê bao

1. Được cung cấp các thông tin hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phát, quản lý và sử dụng chứng thư số.

2. Thông qua tổ chức quản lý thuê bao của mình để đề nghị cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa.

3. Thuê bao có thể trực tiếp gửi văn bản đề nghị Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạm dừng chứng thư số của mình và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề nghị đó.

4. Sử dụng chứng thư số đúng mục đích đã đăng ký.

5. Bảo quản và sử dụng khóa bí mật, các dữ liệu trong thiết bị lưu giữ khóa bí mật theo chế độ “Mật”.

6. Thông báo kịp thời cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số và tổ chức quản lý thuê bao của mình trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ chứng thư số, khóa bí mật không còn an toàn.

7. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về quản lý và sử dụng chứng thư số.

Điều 9. Nghĩa vụ của người nhận

1. Trước khi chấp nhận chữ ký số của người ký, người nhận phải kiểm tra những thông tin sau:

- a) Hiệu lực, phạm vi sử dụng, giới hạn trách nhiệm chứng thư số của người ký và chữ ký số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;
- b) Chữ ký số phải được tạo bởi khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trên chứng thư số của người ký.

2. Người nhận phải chịu mọi thiệt hại xảy ra trong trường hợp sau:

- a) Không tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Đã biết hoặc được thông báo về sự không còn tin cậy của chứng thư số và khóa bí mật của người ký.

Chương III

DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ

Điều 10. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số

1. Tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương đăng ký một trong các thủ tục sau:

- a) Cấp chứng thư số (quy định tại Điều 12 của Thông tư này);
- b) Gia hạn chứng thư số (quy định tại Điều 13 của Thông tư này);
- c) Thay đổi cặp khóa (quy định tại Điều 14 của Thông tư này);
- d) Tạm dừng, thu hồi chứng thư số (quy định tại Điều 15 của Thông tư này);
- đ) Khôi phục chứng thư số (quy định tại Điều 16 của Thông tư này).

2. Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn đăng ký qua mạng Internet tại địa chỉ <http://www.vsign.vn> hoặc đăng ký tại Trụ sở của Bộ Công Thương - Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điều 11. Trình tự đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số qua mạng Internet

1. Tổ chức, cá nhân phải khai báo các thông tin vào phần mềm do Bộ Công Thương cung cấp và gửi dữ liệu điện tử về Bộ Công Thương. Hồ sơ nộp qua mạng Internet bao gồm:

- a) Bản khai điện tử yêu cầu đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của tổ chức, cá nhân;

b) Bản scan từ bản gốc quyết định thành lập của tổ chức quản lý thuê bao đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số lần đầu (không áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương).

2. Các cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tiến hành xem xét thông tin khai báo qua mạng Internet và thông báo kết quả kiểm tra qua mạng Internet về cho các tổ chức, cá nhân. Kết quả kiểm tra có thể thuộc một trong hai trường hợp sau:

a) Đồng ý qua mạng Internet trong trường hợp các thông tin khai báo qua mạng Internet phù hợp và hợp lệ;

b) Đề nghị tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung thông tin.

3. Đối với trường hợp yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin, tổ chức, cá nhân tiến hành sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu của tổ chức cấp và truyền dữ liệu khai báo này qua mạng Internet về tổ chức cấp để kiểm tra lại cho đến khi các thông tin phù hợp với yêu cầu của tổ chức cấp.

4. Sau khi nhận được thông báo chấp nhận của tổ chức cấp về việc thông tin hồ sơ khai báo qua mạng Internet đã đầy đủ, hợp lệ, đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số sẽ tiến hành cung cấp dịch vụ theo yêu cầu. Kết quả sẽ được trả về qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở của Bộ Công Thương.

Điều 12. Cấp chứng thư số

1. Điều kiện đề nghị cấp chứng thư số:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Điều kiện chung:

- Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 2 Thông tư này;
- Chấp thuận tuân thủ các quy định đối với thuê bao tại Thông tư này.

b) Điều kiện bổ sung đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
- Có khả năng trang bị các thiết bị kỹ thuật, tổ chức và duy trì hoạt động phù hợp với hệ thống giao dịch điện tử của Bộ Công Thương;
- Người đại diện theo pháp luật hiểu biết pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có thể khai báo trực tuyến qua mạng Internet hoặc nộp tại trụ sở của Bộ Công Thương (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện). Trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ qua mạng Internet sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Công Thương, hồ sơ đề nghị cấp bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp chứng thư số (Phụ lục số 1) của tổ chức, cá nhân, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập của tổ chức quản lý thuê bao đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số lần đầu (không áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương).

3. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số hợp lệ, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm kiểm tra, cấp chứng thư số cho thuê bao nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản từ chối trong đó nêu rõ lý do từ chối nếu không đủ điều kiện cấp chứng thư số.

Điều 13. Gia hạn chứng thư số

1. Thủ tục gia hạn chứng thư số:

a) Chứng thư số được đề nghị gia hạn phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất là 30 ngày;

b) Tổ chức, cá nhân gia hạn chứng thư số có thể khai báo trực tuyến qua mạng Internet hoặc nộp tại trụ sở Bộ Công Thương (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) giấy đề nghị gia hạn chứng thư số của thuê bao, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 2);

c) Mỗi chứng thư số được gia hạn không quá **03 (ba)** lần, thời gian gia hạn cho mỗi lần không quá **01 (một) năm**.

2. Thời hạn xử lý hồ sơ gia hạn chứng thư số:

Trong thời hạn không quá 05 (**năm**) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn chứng thư số hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm kiểm tra, gia hạn chứng thư số cho thuê bao nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản từ chối trong đó nêu rõ lý do từ chối nếu không đủ điều kiện gia hạn chứng thư số.

Điều 14. Thay đổi cặp khóa

1. Điều kiện thay đổi cặp khóa:

a) Có yêu cầu thay đổi cặp khóa của thuê bao và phải đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại của chứng thư số ít nhất là 30 (ba mươi) ngày;

b) Tổ chức, cá nhân muốn thay đổi cặp khóa có thể khai báo trực tuyến qua mạng Internet hoặc nộp tại trụ sở Bộ Công Thương (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) giấy đề nghị thay đổi cặp khóa (Phụ lục số 6) của thuê bao, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao.

2. Thay đổi cặp khóa được tiến hành như sau:

a) Đảm bảo kênh thông tin tiếp nhận yêu cầu thay đổi cặp khóa hoạt động 24 (hai mươi tư) giờ trong ngày và 7 (bảy) ngày trong tuần;

b) Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi khóa hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số kiểm tra, thay đổi cặp khóa cho thuê bao;

c) Lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động thay đổi cặp khóa trong thời gian ít nhất 05 năm, kể từ thời điểm thay đổi.

Điều 15. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số

1. Chứng thư số của thuê bao bị tạm dừng trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân muốn tạm dừng chứng thư số có thể khai báo trực tuyến qua mạng Internet hoặc nộp tại trụ sở Bộ Công Thương (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) văn bản yêu cầu từ thuê bao, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 3) trong các trường hợp: khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu giữ khóa bí mật bị thất lạc, bị sao chép hoặc các trường hợp mất an toàn khác;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Theo yêu cầu bằng văn bản từ tổ chức quản lý thuê bao;

d) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định tại Thông tư này;

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phát hiện ra bất cứ sai sót, sự cố nào có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao hoặc an ninh, an toàn của hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2. Chứng thư số của thuê bao bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Chứng thư số hết hạn sử dụng;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tổ chức, cá nhân muốn thu hồi chứng thư số có thể khai báo trực tuyến qua mạng Internet hoặc nộp tại trụ sở Bộ Công Thương (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) văn bản yêu cầu từ thuê bao, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 5);

d) Theo yêu cầu bằng văn bản của tổ chức quản lý thuê bao;

đ) Tổ chức quản lý thuê bao, thuê bao bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

e) Có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng khóa bí mật và thiết bị lưu giữ khóa bí mật tại Thông tư này;

g) Thời gian tạm dừng chứng thư số tối đa là 06 (sáu) tháng.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo kênh thông tin tiếp nhận yêu cầu tạm dừng, thu hồi chứng thư số hoạt động 24 (hai mươi tư) giờ trong ngày và 07 (bảy) ngày trong tuần;

b) Lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số trong thời gian ít nhất 05 (năm) năm kể từ thời điểm chứng thư số bị tạm dừng hoặc thu hồi;

c) Khi nhận được hồ sơ yêu cầu tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số của tổ chức, cá nhân hoặc khi có đủ căn cứ tạm dừng, thu hồi chứng thư số, Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phải tiến hành tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc.

Điều 16. Khôi phục chứng thư số

1. Chứng thư số khôi phục trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản từ phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Tổ chức, cá nhân muốn khôi phục chứng thư số có thể khai báo trực tuyến qua mạng Internet hoặc nộp tại trụ sở Bộ Công Thương (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) văn bản yêu cầu từ thuê bao, có kèm theo xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 4), trong trường hợp thuê bao, tổ chức quản lý thuê bao đã đề nghị tạm dừng chứng thư số trước đó;

c) Thời gian tạm dừng chứng thư số theo đề nghị tạm dừng đã hết;

d) Chứng thư số bị tạm dừng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này và những sai sót, sự cố đó đã được khắc phục.

2. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị khôi phục chứng thư số hợp lệ, Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm kiểm tra, khôi phục chứng thư số cho thuê bao.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Việc xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đến việc thực hiện Thông tư này được thực hiện theo quy định của Nghị định chữ ký số và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc chấp hành Thông tư này của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức khác có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương;

b) Đảm bảo sự hoạt động ổn định, an toàn, liên tục của hệ thống chữ ký số, nghiên cứu và triển khai các công nghệ chữ ký số tiên tiến, phù hợp với hoạt động của Bộ Công Thương.

2. Thanh tra Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và thủ trưởng các tổ chức khác có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện tại đơn vị mình theo đúng các quy định của Thông tư này.

Điều 19. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 và thay thế Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 về việc ban hành Thông tư quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương.

Điều 20. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Công Thương; Sở KH&ĐT;
- Công báo; Website Bộ CT;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ CT;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ CT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT; TMDT; PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Hồ Thị Kim Thoa

Phụ lục 1: Giấy đề nghị cấp chứng thư số*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ****Kính gửi:** Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi công tác: Điện thoại: Fax:

Điện thoại di động (*): Email (*):

Chức vụ:

Thời hạn đề nghị cấp (tối đa là 05 năm tính từ ngày cấp chứng thư số): năm

*- Tôi cam đoan những thông tin khai báo trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.**- Nếu được chấp thuận cấp chứng thư số, tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Bộ Công Thương và của Nhà nước về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.*

Tên tổ chức quản lý thuê bao:

Ngày ...tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị**(ký và ghi rõ họ tên)****Người khai****(ký và ghi rõ họ tên)***Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc*

Phụ lục 2: Giấy đề nghị gia hạn chứng thư số*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHỨNG THƯ SỐ****Kính gửi:** Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi công tác: Điện thoại: Fax:

Điện thoại di động (*): Email (*):

Chức vụ:

Đề nghị gia hạn chứng thư số:

Số chứng thư số: Ngày cấp (lần đầu): Ngày hết hạn:

Lý do gia hạn:

Thời gian gia hạn: 6 tháng hoặc 01 năm

Tên tổ chức quản lý thuê bao:

Ngày ...tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị**(ký và ghi rõ họ tên)****Người khai****(ký và ghi rõ họ tên)***Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc*

Phụ lục 3: Giấy đề nghị tạm dừng chứng thư số*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG CHỨNG THƯ SỐ****Kính gửi:** Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi công tác: Điện thoại: Fax:

Điện thoại di động (*): Email (*):

Chức vụ:

Đề nghị tạm dừng chứng thư số:

Số chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Thời hạn tạm dừng (không quá 06 tháng): Từ ngày Đến ngày:

Lý do tạm dừng:

Tên tổ chức quản lý thuê bao:

Ngày ...tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị**(ký và ghi rõ họ tên)****Người khai****(ký và ghi rõ họ tên)**Không cần xác nhận trong trường hợp
thuê bao trực tiếp đề nghị tạm dừng*Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc*

Phụ lục 4: Giấy đề nghị khôi phục chứng thư số*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC CHỨNG THƯ SỐ****Kính gửi:** Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi công tác: Điện thoại: Fax:

Điện thoại di động (*): Email (*):

Chức vụ:

Đề nghị khôi phục chứng thư số:

Số chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Thời hạn tạm dừng: Từ ngày Đến ngày:

Lý do khôi phục:

Tên tổ chức quản lý thuê bao:

Ngày ...tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị**(ký và ghi rõ họ tên)****Người khai****(ký và ghi rõ họ tên)***Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc*

Phụ lục 5: Giấy đề nghị thu hồi chứng thư số*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ****Kính gửi:** Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi công tác: Điện thoại: Fax:

Điện thoại di động (*): Email (*):

Chức vụ:

Đề nghị thu hồi chứng thư số:

Số chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Lý do thu hồi:

Tên tổ chức quản lý thuê bao:

Ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(ký và ghi rõ họ tên)**Người khai**
(ký và ghi rõ họ tên)*Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc*

Phụ lục 6: Giấy đề nghị thay đổi cặp khóa*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI CẶP KHÓA****Kính gửi:** Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Nơi công tác: Điện thoại: Fax:

Điện thoại di động (*): Email (*):

Chức vụ:

Đề nghị thay đổi cặp khóa thuộc chứng thư số:

Số chứng thư số: Ngày cấp: Ngày hết hạn:

Loại khóa thay đổi: Cặp khóa ký Cặp khóa mã hóa

Lý do thay đổi:

Tên tổ chức quản lý thuê bao:

Ngày ...tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị**(ký và ghi rõ họ tên)****Người khai****(ký và ghi rõ họ tên)***Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc*